

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 – ĐỀ 5
MÔN: TIẾNG ANH 5 GLOBAL SUCCESS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. Listen and choose the correct picture.

[Tải bài nghe tại đây](#)

1. What does she usually wear in autumn?

A.



B.



C.



2. Where did he go last summer?

A.



B.



C.



3. How can they get to the aquarium?

A.



B.



C.



4. What did Bill do?

A.



B.



C.



II. Listen and complete with NO MORE THAN THREE WORDS for each gap.

[Tải audio tại đây](#)

1. Hoi An Old Town is beautiful and _____.

2. They're going to _____ at Vinpearl Safari Park.

3. The boy likes autumn because it's _____.

III. Choose the correct answers.

1. Where do you want _____?

A. visit

B. to visit

C. visiting

2. She goes to school _____ foot every day.

A. by

B. on

C. in

3. _____ the weather in winter?

A. How's

B. What's

C. When's

4. Where are you _____ visit this summer?

A. go to

B. going

C. going to

5. How does she cook? – She cooks really _____. Chicken is very tasty.

A. well

B. good

C. hard

IV. Read and choose the best answers.

Hi, I'm Lucy. I love summer and winter in my country. During summer, the sun shines brightly, and the weather is really hot. For me, it's ideal to wear T-shirts and shorts in summer. I often play outside with my friends. We ride our bikes and fly kites in the park. In winter, it's cold and dry. I love wearing jumpers, jeans with boots and look so fashionable! I also love staying at home and enjoying my hot chocolate in snowy weather. Both seasons are so much interesting!

1. Lucy likes wearing jeans in summer.

2. Lucy often meets her friends and plays games in summer
3. The weather is cold and rainy in winter.
4. Lucy thinks that she looks so fashionable in winter.
5. Lucy likes having hot chocolate in winter.

V. Rearrange the words/phrases given to make correct sentences.

1. any / places / in / Nha Trang / you / see / interesting / did / ?

2. branch / a / will / you / buy / peach / of / blossoms / ?

3. Ho Chi Minh City / season / the / dry / it / Is / in / hot / in / ?

4. food / winter / to / gather / he / worked / for / the / hard / .

5. beautiful / and / I / think / is / Huong Pagoda / peaceful / .

-----THE END-----

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I. Listen and number.**Phương pháp giải:**

- Đọc câu hỏi, gạch chân các từ khoá.
- Quan sát các bức tranh, nắm được sự khác nhau giữa chúng.
- Nghe kĩ audio và chọn ra đáp án đúng nhất.

Bài nghe:

1.

B: What do you usually wear in autumn?

G: I usually wear a dress.

2.

G: Did you go to Phu Quoc Island last summer?

B: No, I didn't. I went to Ha Long Bay.

3.

B: Can we get to the aquarium by bicycle, Mai?

G: No, we can't. It's too far. We can get there by bus.

4.

G: What did you do yesterday, Bill?

B: We had a school trip.

G: Wow, did you have a campfire and dance around it?

B: No, I didn't. I played the guitar.

Tạm dịch:

1.

B: Bạn thường mặc gì vào mùa thu?

G: Mình thường mặc váy.

2.

G: Bạn có đi đảo Phú Quốc vào mùa hè năm ngoái không?

B: Mình không. Mình đã đến vịnh Hạ Long.

3.

B: Chúng ta có thể đi đến thủy cung bằng xe đạp được không, Mai?

G: Không được đâu. Xa lắm đó. Chúng ta có thể đến đó bằng xe buýt.

4.

G: Hôm qua bạn đã làm gì vậy, Bill?

B: Bọn mình đã có một chuyến đi thực tế của trường.

G: Wow, các bạn có đốt lửa trại và nhảy múa xung quanh không?

B: Không đâu. Mình đã chơi đàn ghi-ta.

Lời giải chi tiết:

1. What does she usually wear in autumn?

(Cô ấy thường mặc gì vào mùa thu?)

Thông tin: I usually wear a dress.

(Mình thường mặc váy.)

Chọn A

2. Where did he go last summer?

(Cô ấy đã đi đâu vào mùa hè trước?)

Thông tin: No, I didn't. I went to Ha Long Bay.

(Mình không. Mình đã đến vịnh Hạ Long.)

Chọn C

3. How can they get to the aquarium?

(Họ có thể đến thủy cung bằng cách nào?)

Thông tin: No, we can't. It's too far. We can get there by bus.

(Không được đâu. Xa lắm đó. Chúng ta có thể đến đó bằng xe buýt.)

Chọn C

4. What did Bill do?

(Bill đã làm gì?)

Thông tin: No, I didn't. I played the guitar.

(Không đâu. Mình đã chơi đàn ghi-ta.)

Chọn A

II. Listen and complete with NO MORE THAN THREE WORDS for each gap.

Phương pháp giải:

- Đọc các câu đề bài cho, gạch chân các từ khoá, xác định loại từ của những từ ở vị trí chỗ trống.

- Nghe và để ý những từ khoá.

- Xác định các từ cần điền, lưu ý sự chính xác về cả mặt từ vựng và ngữ pháp, quan trọng là không được vượt quá ba từ.

Bài nghe:

1.

G: What do you think of Hoi An Old Town?

B: It's beautiful and exciting.

2.

G: Where are you going to visit next month?

B: We're going to have a trip to Vinpearl Safari Park. We're going to see the animals there.

3.

G: What's your favourite season?

B: I like autumn. It's cool and cloudy.

Tạm dịch:

1.

G: Bạn nghĩ gì về phố cổ Hội An?

B: Nó đẹp và thú vị.

2.

G: Tháng sau bạn sẽ đi thăm nơi nào?

B: Chúng tôi sẽ có một chuyến đi đến Vinpearl Safari Park. Chúng tôi sẽ đến xem các loài động vật ở đó.

3.

G: Mùa yêu thích của bạn là gì?

B: Mình thích mùa thu. Trời mát mẻ và nhiều mây.

Lời giải chi tiết:

1.

Hoi An Old Town is beautiful and _____.

(Phố cổ Hội An rất đẹp và _____.)

Nhận thấy vị trí của chỗ trống là một từ tương đương với tính từ “beautiful”, vậy nên từ ở chỗ trống phải là một tính từ miêu tả.

Thông tin:

G: What do you think of Hoi An Old Town?

(Bạn nghĩ gì về phố cổ Hội An?)

B: It's beautiful and **exciting**.

(Nó đẹp và thú vị.)

Câu hoàn chỉnh: Hoi An Old Town is beautiful and **exciting**.

(Phố cổ Hội An rất đẹp và thú vị.)

Đáp án: exciting

2.

They're going to _____ at Vinpearl Safari Park.

(Họ sẽ _____ ở vườn bách thú Vinpearl Safari.)

Nhận thấy vị trí của chỗ trống là ở phía sau "going to", vậy nên ở vị trí này ta cần điền một động từ/cụm động từ nguyên mẫu.

Thông tin:

G: Where are you going to visit next month?

(Tháng sau bạn sẽ đi thăm nơi nào?)

B: We're going to have a trip to Vinpearl Safari Park. We're going to **see the animals** there.

(Chúng tôi sẽ có một chuyến đi đến Vinpearl Safari Park. Chúng tôi sẽ đến xem các loài động vật ở đó.)

Câu hoàn chỉnh: They're going to **see the animals** at Vinpearl Safari Park.

(Họ sẽ đến xem những loài động vật ở vườn bách thú Vinpearl Safari.)

Đáp án: see the animals

3.

The boy likes autumn because it's _____.

(Bạn nam thích mùa thu vì nó _____.)

Nhận thấy vị trí của chỗ trống là ở phía sau động từ to be, vậy nên từ cần điền vào chỗ trống có thể là một tính từ/cụm tính từ hoặc danh từ/cụm danh từ.

Thông tin:

G: What's your favourite season?

(Mùa yêu thích của bạn là gì?)

B: I like autumn. It's cool and cloudy.

(Mình thích mùa thu. Trời mát mẻ và nhiều mây.)

Câu hoàn chỉnh: The boy likes autumn because it's **cool and cloudy/cloudy and cool**.

(Bạn nam thích mùa thu vì nó mát mẻ và có mây.)

Đáp án: cool and cloudy/cloudy and cool

III. Choose the correct answers.

1.

Phương pháp giải:

Dựa vào “want” để xác định được dạng động từ cần điền vào chỗ trống.

Lời giải chi tiết:

Ta có cấu trúc “want + to V” mang nghĩa “muốn làm gì”.

Câu hoàn chỉnh: Where do you want to visit?

(Bạn muốn đến thăm nơi nào?)

Chọn B

2.

Phương pháp giải:

- Dịch nghĩa câu để nắm được ngữ cảnh:

She goes to school _____ foot every day.

(Cô ấy đi _____ đến trường hằng ngày.)

- Dựa vào “foot” để xác định giới từ thích hợp điền vào chỗ trống.

Lời giải chi tiết:

Ta có cụm “go (to somewhere) on foot” có nghĩa “đi bộ (đến đâu đó)”.

Câu hoàn chỉnh: She goes to school **on** foot every day.

(Cô ấy đi bộ đến trường hằng ngày.)

Chọn B

3.

Phương pháp giải:

Dựa vào “weather” để xác định từ để hỏi phù hợp.

Lời giải chi tiết:

A. How's: như thế nào => hợp lí khi dùng để hỏi về thời tiết.

Ngoài ra ta có cấu trúc dùng để hỏi về thời tiết như sau:

How + to be + the weather (+ khoảng thời gian cụ thể, địa điểm,...).

B. What's: cái gì => không hợp lí

C. When's: khi nào => không hợp lí

Câu hoàn chỉnh: **How's** the weather in winter?

(Thời tiết vào mùa đông như thế nào?)

Chọn A

4.

Phương pháp giải:

Dựa vào "are" và "this summer" để xác định được thì của câu này.

Lời giải chi tiết:

Dựa vào "are" và "this summer", nhận thấy đây là một câu hỏi Wh ở thì tương lai gần với "going to". Ta có cấu trúc:

WH + are + chủ ngữ số nhiều + going to + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

Câu hoàn chỉnh: Where are you **going to** visit this summer?

(Bạn sẽ đi thăm nơi nào vào mùa hè này?)

Chọn C

5.

Phương pháp giải:

- Dịch câu để nắm được ngữ cảnh:

How does she cook? – She cooks really _____. Chicken is very tasty.

(Cô ấy nấu ăn như thế nào? – Cô ấy nấu ăn rất _____. Món gà rất ngon.)

- Dựa vào vị trí của chỗ trống để xác định được loại từ đúng.

Lời giải chi tiết:

Nhận thấy vị trí của chỗ trống là ở phía sau động từ chính, vậy nên đây phải là một trạng từ bổ nghĩa cho động từ chính này.

A. well (adv): đúng, tốt, hay => hợp lí cả về mặt từ vựng và ngữ pháp

B. good (adj): đúng, tốt, hay => không hợp lí, vì đây là tính từ

C. hard (adv): chăm chỉ => không hợp lí về nghĩa (lưu ý, "hard" cũng có thể là một tính từ)

Câu hoàn chỉnh: How does she cook? – She cooks really **well**. Chicken is very tasty.

(Cô ấy nấu ăn như thế nào? – Cô ấy nấu ăn rất giỏi. Món gà rất ngon.)

Chọn A

IV. Read and choose True or False for each statement.

Bài đọc:

Hi, I'm Lucy. I love summer and winter in my country. During summer, the sun shines brightly, and the weather is really hot. For me, it's ideal to wear T-shirts and shorts in summer. I often play outside with my friends. We ride our bikes and fly kites in the park. In winter, it's cold and dry. I love wearing jumpers, jeans with boots and look so fashionable! I also love staying at home and enjoying my hot chocolate in snowy weather. Both seasons are so much interesting!

Tạm dịch:

Xin chào, mình là Lucy. Mình rất thích mùa hè và mùa đông ở đất nước mình. Vào mùa hè, mặt trời chiếu sáng rực rỡ và thời tiết thì rất nóng. Đối với mình, mặc áo thun và quần short vào mùa hè là lý tưởng nhất. Mình thường chơi ở ngoài cùng với các bạn. Chúng mình đạp xe và thả diều ở công viên. Vào mùa đông, trời lạnh và khô. Mình thích mặc áo len, quần jean với boots – nhìn rất thời trang! Mình cũng thích ở nhà và thưởng thức sô cô la nóng trong thời tiết có tuyết. Cả hai mùa đều thật thú vị!

Phương pháp chung:

- Đọc các câu hỏi và phương án, gạch chân các từ khoá.
- Đọc kĩ bài đọc, chú ý đến những ý được gạch chân.
- Chọn True or False cho từng câu.

Lời giải chi tiết:

1. Lucy likes wearing jeans in summer.

(Lucy thích mặc quần bò vào mùa hè.)

Thông tin: For me, it's ideal to wear T-shirts and shorts in summer.

(Đối với mình, mặc áo thun và quần short vào mùa hè là lý tưởng nhất.)

Chọn False

2. Lucy often meets her friends and plays games in summer.

(Lucy thường gặp gỡ bạn bè và chơi trò chơi vào mùa hè.)

Thông tin: I often play outside with my friends.

(Mình thường chơi ở ngoài cùng với các bạn.)

Chọn True

3. The weather is cold and rainy in winter.

(Thời tiết lạnh và mưa vào mùa đông.)

Thông tin: In winter, it's cold and dry.

(Vào mùa đông, trời lạnh và khô.)

Chọn False

4. Lucy thinks that she looks so fashionable in winter.

(Lucy nghĩ rằng cô ấy trông thật sành điệu vào mùa đông.)

Thông tin: I love wearing jumpers, jeans with boots and look so fashionable!

(Mình thích mặc áo len, quần jean với boots – nhìn rất thời trang!)

Chọn True

5. Lucy likes having hot chocolate in winter.

(Lucy thích uống sô-cô-la nóng vào mùa đông.)

Thông tin: I also love staying at home and enjoying my hot chocolate in snowy weather.

(Mình cũng thích ở nhà và thưởng thức sô cô la nóng trong thời tiết có tuyết.)

Chọn True

V. Rearrange the words/phrases given to make correct sentences.

Phương pháp giải:

- Đọc và dịch những từ/cụm từ được cung cấp, xác định chức năng và vị trí của chúng ở trong câu.
- Áp dụng các cấu trúc câu đã học, sử dụng những từ/cụm từ đã cho để tạo thành những câu đúng.

Lời giải chi tiết:

1. any / places / in / Nha Trang / you / see / interesting / did / ?

- Dựa vào “did” và dấu “?” để nhận biết được đây là một câu hỏi Yes/No ở thì quá khứ đơn.

Ta có cấu trúc: Did + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

- Trong tiếng Anh, tính từ luôn đứng trước danh từ.

Câu hoàn chỉnh: Did you see any interesting places in Nha Trang?

(Bạn có nhìn thấy địa điểm thú vị nào ở Nha Trang không?)

2. branch / a / will / you / buy / peach / of / blossoms / ?

- Dựa vào “Will” và dấu “?” để nhận biết được đây là một câu hỏi Yes/No ở thì tương lai đơn. Ta có cấu trúc:

Will + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu + tân ngữ?

Câu hoàn chỉnh: Will you buy a branch of peach blossoms?

(Bạn sẽ mua cành đào chứ?)

3. Ho Chi Minh City / season / the / dry / it / Is / in / hot / in/ ?

Dựa vào “Is” và dấu “?” để nhận biết được đây là một câu hỏi Yes/No ở thì hiện tại đơn với tính từ. Ta có cấu trúc: Is + chủ ngữ + tính từ + tân ngữ?

Câu hoàn chỉnh: Is it hot in Ho Chi Minh City in the dry season?

(Thời tiết có nóng ở Thành phố Hồ Chí Minh vào mùa khô không?)

4. food / winter / to / gather / he / worked / for / the / hard / .

- Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn với động từ thường:

Chủ ngữ + động từ ở thì quá khứ đơn + tân ngữ.

- To V, nếu là động từ thứ 2 trong câu thì nó thường biểu hiện cho động từ chỉ mục đích.

Câu hoàn chỉnh: He worked hard to gather food for the winter.

(Anh ấy đã làm việc chăm chỉ để tích trữ thức ăn cho mùa đông.)

5. beautiful / and / I / think / is / Huong Pagoda / peaceful / .

Sau “I think” là một mệnh đề, được dùng để bày tỏ suy nghĩ.

Câu hoàn chỉnh: I think Huong Pagoda is beautiful and peaceful.

(Mình nghĩ chùa Hương rất đẹp và yên bình.)